

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 _THI LẠI

MÔN VẬT LÝ LỚP 10, THỜI GIAN 45 PHÚT

[illegible]

		động lượng.															
		Mối liên hệ giữa vector động lượng và vector vận tốc.	2		2	1		1							3	3	14.3
		So sánh động lượng của hai vật, động năng của hai vật. Tổng động lượng của hai vật trong các trường hợp.				2		4							2	4	9.5
		Định luật bảo toàn động lượng.	2		2					1	6				3	8	14.3
2	CHUYÊN ĐỘNG TRÒN ĐỀU	Định nghĩa, tính chất, công thức của	4		4					1	5				5	9	23.8

		các đại lượng trong chuyển động tròn đều.														
		Mối liên hệ giữa vectơ vận tốc và vectơ gia tốc hướng tâm. Tính chất của vectơ gia tốc hướng tâm và vectơ vận tốc	1		1									1	1	4.8
		Mối liên hệ giữa các đại lượng chu kì, tần số, tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều khi thay đổi bán kính.				1		2						1	2	4.8

		Lực hướng tâm	1		1		1	3							2	4	9.5
3	ĐỊNH LÍ ĐỘNG NĂNG	Định lí động năng											1	10	1	10	4.8
TỔNG			12	0	12	4	2	12		2	11		1	10	21	45	100
TỈ LỆ			30%			30%			30%			10%					100%
TỔNG ĐIỂM			3			3			3			1					10.00

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2_THI LẠI
MÔN: VẬT LÝ 10 (PHẦN TRẮC NGHIỆM) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Mức độ kiến thức	Số câu hỏi	Tỉ lệ %
1	Động lượng – Định luật bảo toàn động lượng	Đơn vị của các đại lượng trong công thức tính động lượng.	Nhận biết	1	6.25
		Công thức tính động lượng, xung lượng của lực, mối liên hệ giữa động năng và động lượng.	Nhận biết	1	6.25
		Mối liên hệ giữa vectơ động lượng và vectơ vận tốc.	Nhận biết	2	12.5
		Phát biểu động lượng, khi nào động lượng của vật thay đổi và không thay đổi.	Nhận biết	1	6.25
		So sánh động lượng của hai vật, động năng của hai vật. Tổng động lượng của hai vật trong các trường hợp.	Thông hiểu	2	12.5
		Định luật bảo toàn động lượng	Nhận biết	1	6.25

		Xác định khi nào hệ vật là hệ kín	Nhận biết	1	6.25
		Sự thay đổi động lượng khi thay đổi vận tốc hoặc khối lượng.	Thông hiểu	1	6.25
2	Chuyển động tròn đều	Công thức chu kì, tần số, tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều, quãng đường đi được khi vật chuyển động tròn. Xác định góc quay, gia tốc hướng tâm của chuyển động tròn đều. Lực hướng tâm.	Nhận biết	2	12.5
		Định nghĩa, tính chất của vật chuyển động tròn đều.	Nhận biết	2	12.5
		Mối liên hệ giữa vector vận tốc và vector gia tốc hướng tâm. Tính chất của vector gia tốc hướng tâm và vector vận tốc	Nhận biết	1	6.25
		Mối liên hệ giữa các đại lượng chu kì, tần số, tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều khi thay đổi bán kính.	Thông hiểu	1	6.25
Tổng				16	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2
MÔN: VẬT LÝ 10 (PHẦN TỰ LUẬN) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Động lượng	1.1. Động lượng - Độ biến thiên động lượng	Thông hiểu: Tính độ lớn động lượng. Tính độ lớn tổng động lượng của hai vật. Tính độ lớn độ biến thiên động lượng.		1		
		1.2. Định luật bảo toàn động lượng	Vận dụng: - Vẽ hình và chọn chiều chuyển động của các vật trước va chạm và sau va chạm. - Áp dụng định luật bảo toàn động lượng của vật va chạm mềm hoặc va chạm đàn hồi để tính một trong các đại lượng của hệ trước hoặc sau va chạm.			1	
2	Chuyển động tròn đều	2.1. Chuyển động tròn đều	Thông hiểu: - Tính được chu kì, tần số của vật chuyển động tròn đều. - Tính được tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều. - Tính được quãng đường đi được khi vật chuyển động tròn. - Xác định góc quay, gia tốc hướng tâm của chuyển động tròn đều.			1	
		2.2. Lực hướng tâm	Thông hiểu: - Tính được độ lớn lực hướng tâm tác dụng lên vật chuyển động tròn đều.		1		

3	Động năng	Định lý đồng năng	Vận dụng cao: - Tính tốc độ, khối lượng, quãng đường, lực tác dụng lên vật.				1
Tổng				0	2	2	1
Tỉ lệ %					40%	40%	20%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2(HỌC SINH HÒA NHẬP)

MÔN VẬT LÝ LỚP 10, THỜI GIAN 45 PHÚT

[illegible]

[illegible]

		khi thay đổi bán kính.															
		Lực hướng tâm	1		1		1	6							2	7	9.5
TỔNG			12	0	12	4	2	17		2	16		0	-	20	45	95.23 8
TỈ LỆ			33,3%			33,3%			33,3%								100%
TỔNG ĐIỂM			3			3.5			3.5								10.00

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2(HỌC SINH HÒA NHẬP)
MÔN: VẬT LÝ 10 (PHẦN TRẮC NGHIỆM) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Mức độ kiến thức	Số câu hỏi	Tỉ lệ %
1	Động lượng – Định luật bảo toàn động lượng	Đơn vị của các đại lượng trong công thức tính động lượng.	Nhận biết	1	6.25
		Công thức tính động lượng, xung lượng của lực, mối liên hệ giữa động năng và động lượng.	Nhận biết	1	6.25
		Mối liên hệ giữa vector động lượng và vector vận tốc.	Nhận biết	2	12.5
		Phát biểu động lượng, khi nào động lượng của vật thay đổi và không thay đổi.	Nhận biết	1	6.25
		So sánh động lượng của hai vật, động năng của hai vật. Tổng động lượng của hai vật trong các trường hợp.	Thông hiểu	2	12.5
		Định luật bảo toàn động lượng	Nhận biết	1	6.25

		Xác định khi nào hệ vật là hệ kín	Nhận biết	1	6.25
		Sự thay đổi động lượng khi thay đổi vận tốc hoặc khối lượng.	Thông hiểu	1	6.25
2	Chuyển động tròn đều	Công thức chu kì, tần số, tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều, quãng đường đi được khi vật chuyển động tròn. Xác định góc quay, gia tốc hướng tâm của chuyển động tròn đều. Lực hướng tâm.	Nhận biết	2	12.5
		Định nghĩa, tính chất của vật chuyển động tròn đều.	Nhận biết	2	12.5
		Mối liên hệ giữa vectơ vận tốc và vectơ gia tốc hướng tâm. Tính chất của vectơ gia tốc hướng tâm và vectơ vận tốc	Nhận biết	1	6.25
		Mối liên hệ giữa các đại lượng chu kì, tần số, tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều khi thay đổi bán kính.	Thông hiểu	1	6.25
Tổng				16	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2(HỌC SINH HÒA NHẬP)
MÔN: VẬT LÝ 10 (PHẦN TỰ LUẬN) - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Động lượng	1.1. Động lượng - Độ biến thiên động lượng	Thông hiểu: Tính độ lớn động lượng. Tính độ lớn tổng động lượng của hai vật. Tính độ lớn độ biến thiên động lượng.		1		
		1.2. Định luật bảo toàn động lượng	Vận dụng: - Vẽ hình và chọn chiều chuyển động của các vật trước va chạm và sau va chạm. - Áp dụng định luật bảo toàn động lượng của vật va chạm mềm hoặc va chạm đàn hồi để tính một trong các đại lượng của hệ trước hoặc sau va chạm.			1	
2	Chuyển động tròn đều	2.1. Chuyển động tròn đều	Thông hiểu: - Tính được chu kì, tần số của vật chuyển động tròn đều. - Tính được tốc độ góc, tốc độ dài của vật chuyển động tròn đều. - Tính được quãng đường đi được khi vật chuyển động tròn. - Xác định góc quay, gia tốc hướng tâm của chuyển động tròn đều.			1	

		2.2. Lực hướng tâm	Thông hiểu: - Tính được độ lớn lực hướng tâm tác dụng lên vật chuyển động tròn đều.		1		
Tổng				0	2	2	0
Tỉ lệ %					50%	50%	